

Số: 308 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH chăn nuôi Cường Thịnh Phát tại Văn bản số 01/CV-CTP ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường và Văn bản số 02/CV-CTP ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường Dự án Trang trại nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín tại ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 470/TTr-STNMT ngày 19 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH chăn nuôi Cường Thịnh Phát (Chủ dự án) tại ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 2.500 con heo nái, tại ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1 Tên Dự án đầu tư: Dự án Trang trại nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 2.500 con heo nái.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số 481772777, chứng nhận lần đầu ngày 25/9/2020.

1.4. Mã số thuế: 3603584079.

1.5. Loại hình Dự án: chăn nuôi heo nái.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Quy mô, công suất: chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, công suất 2.500 con heo nái.

1.6.2. Tổng diện tích: 69.775,2 m²;

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH chăn nuôi Cường Thịnh Phát (chủ Dự án):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH chăn nuôi Cường Thịnh Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Ninh Điền; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm, kể từ ngày ký.

Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 2.500 heo nái của Công ty TNHH chăn nuôi Cường Thịnh Phát hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Châu Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Châu Thành;
- UBND xã Ninh Điền;
- Công ty TNHH chăn nuôi Cường Thịnh Phát;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

AZ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 308./GPMT-UBND
ngày 15. tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 2,625m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình chăn nuôi heo gồm nước vệ sinh chuồng trại, sát trùng xe, sát trùng người, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải của chuồng nuôi, nước thải từ quá trình ngâm rửa đàn và nước tiểu heo, lưu lượng 141,0m³/ngày.đêm.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại Dự án là 144 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Dòng nước thải số 01: Trang trại chăn nuôi phát sinh 01 dòng nước thải sau xử lý từ nguồn số 01 và nguồn số 02. Nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$).

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rạch Trà Cú thuộc ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý của dòng nước thải số 01 theo đường ống PVC $\Phi = 200\text{mm}$, đặt ngầm cách mặt đất khoảng 0,5m, dài khoảng 250m, chảy ra rạch Trà Cú, toạ độ vị trí xả nước thải: X = 1242 442; Y= 552 024.

(Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105⁰30' múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 144 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$,

cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,94-8,91	04 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	39,6		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5		
4	COD	mg/l	99		
5	Tổng N	mg/l	49,5		
6	Tổng Coliform	MPN/100mL	2.970		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên với lưu lượng lớn nhất là 2,625 m³/ngày.đêm được xử lý bằng 03 bể tự hoại thể tích 15m³/bể và bằng 1 bể tách dầu mỡ có thể tích 6 m³. Nước thải sau bể tự hoại và bể tách dầu mỡ chảy ra hệ thống thu gom (ống nhựa uPVC Ø140) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,1.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, tắm rửa heo, nước thải phun sương sau quạt hút và nước thải quá trình vệ sinh, sát trùng xe ra vào với lưu lượng lớn nhất là 141 m³/ngày được thu gom về 01 bể biogas kích thước: 95m x 36m x 4,5m. Nước thải sau bể biogas, được dẫn về 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT, với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,1 (công ty tái sử dụng 80% tổng lưu lượng nước thải sau xử lý cho hoạt động của Dự án (vệ sinh chuồng trại, ngâm rửa đàn, tưới cây ...)). Trường hợp Công ty tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây xanh thì nước thải phải đảm bảo đạt QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-

BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT
1	pH	-	5,5 - 9
2	Clorua (Cl-)	mg/L	≤ 600
3	Asen (As)	mg/L	≤ 0,1
4	Cadimi (Cd)	mg/L	≤ 0,01
5	Crom tổng số (Cr)	mg/L	≤ 0,5
6	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,002
7	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,05
8	E.coli	MPN/100mL hoặc CFU/100 ml	≤ 200

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1 Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại ba ngăn (03 bể), nước thải nấu ăn sau bể tách dầu mỡ (01 bể) và nước thải chăn nuôi sau bể biogas (01 bể) → Hồ lắng và điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Hồ sinh học → Bồn lọc áp lực → Đạt A, QCVN 62 - MT:2016/BTNMT (Hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$) → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Rạch Trà Cú.

- Hóa chất sử dụng: chế phẩm men vi sinh, PAC, Polymer, Clorine.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 03 bể tự hoại, kích thước: 3m x 2,5m x 2m; kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.
- 01 bể tách dầu mỡ, kích thước: 2m x 2m x 1,5m, kết cấu inox.
- Bể thu gom: 12m x 12m x 4,5m; kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.
- Bể biogas, kích thước 95m x 36m x 4,5m; lót bạt chống thấm HDPE.
- Hồ lắng và điều hòa, kích thước 95m x 36m x 4,5m; lót bạt chống thấm HDPE.
- Bể sinh học thiếu khí 1, kích thước: 8m x 6,7m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.
- Bể sinh học thiếu khí 2, kích thước: 7m x 6m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.
- Bể sinh học hiếu khí 1: kích thước: 6m x 4,5m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.

- Bể sinh học hiếu khí 2: kích thước: 6m x 4,5m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.
- Bể lắng sinh học, kích thước: 4,5m x 4,5m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.
- Bể keo tụ, tạo bông, kích thước: 4,3m x 2m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.
- Bể lắng hóa lý, kích thước: 3,5m x 3,5m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.
- Hồ sinh học, kích thước 85m x 31m x 4,5m; lót bạt chống thấm HDPE.
- Bồn lọc áp lực, kích thước: 0,9m x 0,7m x 2m; kết cấu nhựa composite.
- Bể chứa bùn, kích thước: 5m x 5m x 4,5m; kết cấu bê tông cốt thép.
- Hồ sự cố, kích thước 63,5m x 48,5m x 5m; lót bạt chống thấm HDPE

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý sự cố cho nhân viên phụ trách.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng kể từ ngày có nước thải phát sinh.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) điểm tại đầu vào tại bể thu gom sau biogas.
- Một (01) điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm đạt cột A, QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm

có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm; bao gồm các thông số: lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng Coliform và được tái sử dụng 80% cho hoạt động của Dự án; 20% được xả ra nguồn tiếp nhận. Trường hợp Công ty tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây thì nước thải phải xử lý đạt QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý: tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải);
- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả vào rạch Trà Cú.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 308./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:

- Nguồn số 01 – Nhà nái đẻ 01: Khí thải từ quạt hút bên trong Nhà nái đẻ 1, lưu lượng tối đa là 352.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).
- Nguồn số 02 – Nhà nái đẻ 02: Khí thải từ quạt hút bên trong Nhà nái đẻ 2, lưu lượng tối đa là 352.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).
- Nguồn số 03 – Nhà mang thai 01: Khí thải từ quạt hút bên trong Nhà mang thai 1, lưu lượng tối đa là 352.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).
- Nguồn số 04 – Nhà mang thai 02: Khí thải từ quạt hút bên trong Nhà mang thai 2, lưu lượng tối đa là 352.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).
- Nguồn số 05 – Nhà heo nọc: Khí thải từ quạt hút bên trong Nhà heo nọc, lưu lượng tối đa là 352.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).
- Nguồn số 06 – Nhà heo cách ly: Khí thải từ quạt hút bên trong Nhà heo cách ly, lưu lượng tối đa là 352.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).
- Nguồn số 07: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 250 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 296,24 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi

- Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Nhà heo nái đẻ 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1242 440; Y = 552 201.
- Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Nhà heo nái đẻ 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1242 442; Y = 552 233.
- Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Nhà heo mang thai 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1242 438; Y = 552 158.
- Nguồn khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Nhà heo mang thai 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1242 447; Y = 552 276.

- Nguồn khí thải số 05: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Nhà heo nọc; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1242 364; Y = 552 301.

- Nguồn khí thải số 06: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Nhà heo cách ly; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1242 437; Y = 552 295.

- Nguồn khí thải số 07: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1242 392; Y= 552 088.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $44.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{quạt hút} \times 8 \text{ quạt hút} = 352.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Nguồn khí thải số 07: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $296,24 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi:

- Nguồn khí thải 01 đến số 06: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 8 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 07: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Nguồn khí thải số 01 đến số 06 đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	μg/Nm ³	42	02 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	μg/Nm ³	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	μg/Nm ³	200		

- Nguồn khí thải số 07 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kv = 1,0; Kp = 1,0.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 06: khí thải từ các trại chăn nuôi xả khí thải ra môi trường thông qua 48 quạt hút của 06 trại nuôi.

- Nguồn số 07: khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện công suất 250KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống Ø200mm cao 3m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 3mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ các chuồng nuôi: khí thải → quạt hút → công trình xử lý chất thải (lắp đặt khung sắt che bằng lưới, lắp đặt hệ thống phun sương) → thoát ra môi trường.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phát lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Trường hợp sự cố mất lưới điện, Công ty phải tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của trang trại.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để giám sát vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 308./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ Chuồng nuôi Nhà nuôi heo nái đẻ 01.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ Chuồng nuôi Nhà nuôi heo nái đẻ 02.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ Chuồng nuôi Nhà nuôi heo mang thai 01.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ Chuồng nuôi Nhà nuôi heo mang thai 02.
- Nguồn số 05: Phát sinh từ Chuồng nuôi Nhà nuôi heo nọc.
- Nguồn số 06: Phát sinh từ Chuồng nuôi Nhà nuôi heo cách ly.
- Nguồn số 07: Phát sinh từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 250 KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí: X = 1242 440; Y = 552 201.
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí: X = 1242 442; Y = 552 233.
- Nguồn số 03: Tọa độ vị trí: X = 1242 438; Y = 552 158.
- Nguồn số 04: Tọa độ vị trí: X = 1242 447; Y = 552 276.
- Nguồn số 05: Tọa độ vị trí: X = 1242 364; Y = 552 301.
- Nguồn số 06: Tọa độ vị trí: X = 1242 437; Y = 552 295.
- Nguồn số 07: Tọa độ vị trí: X = 1242 392; Y = 552 088.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 308./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Thành phần	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	8	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì, chai lọ vaccine)	Rắn	180	18 01 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu học (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tác các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	60	18 02 01
5	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	20	13 02 01
6	Mực in thải	Rắn	15	08 01 11
7	Heo chết do dịch bệnh (nếu có)	Rắn	KXĐ	14 02 01
Tổng số lượng			295	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải phát sinh (kg/ngày)
1	Phân heo	14 01 12	5.285,5
2	Xác heo chết trong quá trình chăm sóc (không do dịch bệnh)	13 02 04	13,7

3	Nhau thai	13 02 04	39
4	Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi	18 01 06	2,52
5	Bùn thải từ hệ thống biogas	12 05 07	74
Tổng cộng			5.414,72

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	375
Tổng khối lượng		375

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- 01 Nhà chứa phân: diện tích 87,36m².
- 01 Nhà để xác heo: diện tích 10,24m².
- 01 Nhà hủy xác heo chết không do dịch bệnh: diện tích 312,32m².
- Thiết kế, cấu tạo: nền lát vữa xi măng, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, bố trí gờ chắn trách nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu vực chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh xảy ra trên diện tích rộng:

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01 - 79: 2011/BNNPTNT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01- 99:2012/BNNPTNT về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

- Bố trí khu đất dự phòng để khi có dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác heo chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Chủ dự án bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác heo chết do dịch bệnh tại Dự án.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 308./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,1. Trường hợp, Công ty tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây phải đảm bảo đạt QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT - BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.
- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.
- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.